TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2024/HSST
Ngày: 06/5/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thúy
Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Võ Thanh Nga
2. Ông Bùi Anh Tuấn

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Tạ Mạnh Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 4 Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 tham gia phiên tòa: Bà Trần Thủy Quỳnh Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 36/2024/TLST – HS ngày 03 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2024/QĐXXST – HS ngày 17 tháng 4 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trương Thành Đ**, sinh ngày 22 tháng 4 năm 1999 tại TP .; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: 1 X, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T (đã chết) và bà Trương Mai Thị T1 (đã chết); chưa có vợ con; tiền án: Ngày 26/12/2017, bị Tòa án nhân dân Quận 4, TP . xử phạt 03 (ba) năm tù về tội "Cướp giật tài sản", (theo Bản án số 110/2017/HSST ngày 26/12/2017. Ngày 02/6/2020 chấp hành xong hình phạt tù, đã nộp án phí); Ngày 26/01/2021 bị Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, TP . xử phạt 03 (ba) năm tù về tội "Cướp giật tài sản", (theo Bản án số 28/2021/HSST ngày 26/01/2021. Ngày 09/9/2023 chấp hành xong hình phạt tù, đã nộp án phí); tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/10/2023. *"Có mặt"*

- *Bị hại*: Ông Nguyễn Hồng T2, sinh năm 1984. Hộ khẩu thường trú: Thôn K, N, V, Yên Bái. Chỗ ở: 527/108 Nguyễn Tri P, khu phố D, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương. "Vắng mặt"

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:

1/ Ông Bàn Văn H, sinh năm 1993. Hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Chỗ ở: B P, Phường A, quận P, TP .. "Vắng mặt'

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào khoảng 18 giờ 51 phút ngày 17/10/2023, Trương Thành Đ đến khu vực bến xe M thuộc quận B, TP . gặp ông Nguyễn Hồng T2 (là tài xế xe taxi công nghệ) và đặt xe để ông T2 chở Đ đến hẻm A B, Phường F, Quận D. Trên đường đi, Đ phát hiện ông T2 sử dụng điện thoại hiệu S A14, 5G, màu đen, nên nảy sinh ý định chiếm đoạt bán lấy tiền tiêu xài. Để thực hiện ý định, Đ lấy máy tính bảng hiệu S đã bị hư không hoạt động của Đ, nói với ông T2: "máy tính bảng hết pin, không gọi được" và mượn điện thoại di động hiệu S A14, 5G,

màu đen của ông T2 để gọi điện thoại cho bạn đến đón, ông T2 đồng ý. Đ cầm điện thoại của ông T2 giả vờ gọi điện thoại nói chuyện. Khoảng 19 giờ 50 phút cùng ngày, khi xe chạy đến đầu hẻm A B, Phường F, Quận D, Đ cầm điện thoại bước xuống xe nhanh chóng đi vào hẻm được khoảng từ 08 – 10 mét, rẽ trái tẩu thoát. Ông Quách Hưng H1 và bà Nguyễn Thị P1 (là người dân ở hẻm A B, Phường F, Quận D) nhìn thấy Đ cầm điện thoại di động đi bộ vào hẻm rồi bỏ chạy, nghi vấn Đ chiếm đoạt tài sản, nên bà P1 đến báo cho ông T2 biết, còn ông H1 điều khiển xe máy đuổi theo Đ nhưng không kịp. Ông T2 đi tìm Đ trong hẻm không thấy thì lấy máy tính bảng kiểm tra phát hiện máy bị hư hỏng, nên ông T2 đến Công an P2, Quận D để trình báo vụ việc nêu trên. Sau khi chiếm đoạt điện thoại, Đ đến tiệm cầm đồ "Trường Thịnh", số B P, Phường A, quận P, TP . cầm cho ông Bàn Văn H với số tiền 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng. Ngày 21/10/2023, Trương Thành Đ bị bắt giữ. Tại Cơ quan điều tra Công an Q, Đ khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

Tại Kết luận định giá tài sản số 50/KL – HĐĐGTS ngày 20/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng Hình sự Quận D kết luận: 01 (một) điện thoại di động hiệu S A14, 5G, 128Gb, màu đen, số Imei 1: 352976241958748, Imei 2: 354045841958744 có trị giá 3.050.000 (ba triệu, không trăm năm mươi nghìn) đồng.

Tại Cáo trạng số 36/CT - VKS ngày 28/3/2024, Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 đã truy tố bị cáo Trương Thành Đ về tội "Cướp giật tài sản" theo điểm i khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa: Bị cáo Trương Thành Đ đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung cáo trạng truy tố.

Bị hại ông Nguyễn Hồng T2; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông Bàn Văn H đều vắng mặt tại phiên tòa nên không có lời trình bày. Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì tại cơ quan điều tra ông Nguyễn Hồng T2 có đơn yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa xét xử bị cáo, ông T2 đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt nên không yêu cầu bồi thường, khiếu nại, thắc mắc gì. Ông Bàn Văn H đã tự nguyện giao nộp vật chứng vụ án cho Cơ quan điều tra, không yêu cầu bồi thường, khiếu nại, thắc mắc gì.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 giữ quan điểm truy tố đối với bị cáo Trương Thành Đ về tội "Cướp giật tài sản" theo quy định tại điểm i khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Sau khi phân tích hành vi phạm tội, đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm i khoản 2 Điều 171, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Trương Thành Đ từ 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng đến 04 (bốn) năm tù. Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền, do bị cáo có hoàn cảnh khó khăn. Về xử lý vật chứng đề nghị xử lý theo quy định tại Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 và Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo hối hận về hành vi phạm tội của mình đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của của Cơ quan điều tra Công an Q, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 4, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi,

quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại các biên bản tự khai, biên bản lấy lời khai bị cáo đều trình bày lời khai hoàn toàn tự nguyện. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm: Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, lời khai những người làm chứng cùng các tài liệu và chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 19 giờ 50 phút ngày 17/10/2023, tại hẻm S B, Phường F, Quận D, TP ., bị cáo Trương Thành Đ đã có hành vi gian dối tiếp cận tài sản của bị hại Nguyễn Hồng T2 là 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Sam sung A14, 5G, màu đen có trị giá là 3.050.000 (ba triệu, không trăm năm mươi nghìn) đồng, sau đó nhanh chóng tẩu thoát để chiếm đoạt tài sản của bị hại. Bị cáo Trương Thành Đ có 02 (hai) tiền án, đã tái phạm, chưa được xóa án tích, tiếp tục cố ý thực hiện hành vi phạm tội nên đã phạm vào tội "Cướp giật tài sản" thuộc trường hợp "Tái phạm nguy hiểm" theo quy định tại điểm i khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 đối với hành vi phạm tội của bị cáo Trương Thành Đ là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Xét thấy, bị cáo Trương Thành Đ là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo cố ý chiếm đoạt tài sản của bị hại và nhanh chóng tẩu thoát, hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện rất liều lĩnh, táo bạo và nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Về nhân thân bị cáo Trương Thành Đ có 02 (hai) tiền án về tội Cướp giật tài sản, đã tái phạm, chưa được xóa án tích, nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, đây cũng là tình tiết định khung hình phạt theo quy định tại điểm i khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; bị cáo không có tiền sự. Hội đồng xét xử xét thấy với hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo thì cần có mức án thật nghiêm khắc để xử phạt mới có tác dụng giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên, quá trình đều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo Trương Thành Đ đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây cũng là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 nên Hội đồng xét xử có xem xét đến tình tiết giảm nhẹ này để giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

Ngoài ra, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo không có công việc làm ổn định, có hoàn cảnh gia đình khó khăn nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đối với ông Bàn Văn H (là quản lý cửa hàng cầm đồ) do không biết điện thoại di động S A14, 5G do bị cáo Trương Thành Đ phạm tội mà có nên ông H đã cầm chiếc điện thoại trên, ông H đã tự nguyện giao nộp lại điện thoại cho Cơ quan điều tra, nên Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở để xử lý về trách nhiệm hình sự đối với ông Bàn Văn H.

[4] Về phần bồi thường dân sự: Do bị hại Nguyễn Hồng T2 đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu bị cáo bồi thường về dân sự, không khiếu nại, thắc mắc gì. Ông Bàn Văn H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã tự nguyện giao nộp vật lại vật chứng của vụ án là chiếc điện thoại cho Cơ quan điều tra, ông H không yêu cầu bị cáo bồi thường, khiếu nại, thắc mắc gì, nên phần bồi thường về dân sự không có gì để giải quyết.

[5] Về vật chứng vụ án:

+ 01 (một) điện thoại di động Sam sung A14, 5G, màu đen, 128Gb, số Imei 1: 352976241958784, Imei 2: 354045841958744. Cơ quan điều tra Công an Q đã giao trả lại cho chủ sở hữu là ông Nguyễn Hồng T2, nên không có gì giải quyết.

+ 01 (một) máy tính bảng hiệu Samsung, màu xám, thiết bị cũ (không lên nguồn và không sử dụng được), đây là tài sản của bị cáo có liên quan đến hành vi phạm tội nên tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước.

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Redmi, màu đen đỏ, điện thoại cũ đã qua sử dụng, không lên nguồn. Xét, đây là tài sản của bị cáo Trương Thành Đ không liên quan đến hành vi phạm tội nên giao trả lại Trương Thành Đ, nhưng được tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

+ 01 (một) hợp đồng cầm đồ điện thoại Samsung A14, 5G, thu giữ của bị cáo Đ. Xét, đây là vật chứng của vụ án nên tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án.

+ 03 (ba) tờ giấy A4 trên tờ giấy có in hình bị cáo Trương Thành Đ đến tiệm cầm đồ "Trường Thịnh", là hình ảnh trích xuất từ Camera của tiệm cầm đồ. Xét, đây là vật chứng của vụ án nên tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án.

+ 01 (một) hợp đồng cầm đồ điện thoại Samsung A14, 5G (thu giữ của ông Bàn Văn H). Xét, đây là vật chứng của vụ án nên tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án.

+ Số tiền Ngân hàng N: 1.000.000 (một triệu) đồng, đây là số tiền còn lại sau khi bị cáo Đ chiếm đoạt được điện thoại của bị hại và cầm cho ông Bàn Văn H được số tiền 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng, bị cáo đã tiêu xài cá nhân hết 500.000 (năm trăm nghìn) đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù tại cơ quan điều tra ông H không có yêu cầu gì đối với bị cáo, nhưng đây là số tiền bị cáo có được từ việc chiếm đoạt tài sản và sử dụng trái phép thì không thuộc trường hợp tịch thu sung vào ngân sách nhà nước mà trả lại cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp, nên giao trả lại số tiền 1.000.000 (một triệu) đồng cho ông Bàn Văn H là phù hợp với quy định pháp luật.

[6] Về án phí: Bị cáo Trương Thành Đ phải nộp án phí Hình sự sơ thẩm số tiền là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào điểm i khoản 2 Điều 171, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt: T (bốn) năm tù về tội "Cướp giật tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày 21 tháng 10 năm 2023.

Tiếp tục giam bị cáo để bảo đảm thi hành án, thời hạn tạm giam là 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 và Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

+Tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án: 01 (một) hợp đồng cầm đồ điện thoại Samsung A14, 5G; 03 (ba) tờ giấy A4 có in hình bị cáo Trương Thành Đ đến tiệm cầm đồ "Trường Thịnh".

+Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước: 01 (một) máy tính bảng hiệu Samsung, màu xám, thiết bị cũ (không lên nguồn và không sử dụng được).

+ Giao trả lại cho Trương Thành Đ: 01 (một) điện thoại di động hiệu Redmi, màu đen đỏ, điện thoại cũ đã qua sử dụng, không lên nguồn, nhưng được tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

+ Giao trả lại cho ông Bàn Văn H số tiền 1.000.000 (một triệu) đồng.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số: 48/2024 ngày 08/4/2024 giữa Cơ quan Điều tra Công an Q và Chi cục thi hành án dân sự Quận 4; Giấy nộp tiền vào tài khoản kho bạc Nhà nước Q1 ngày 16/01/2024).

- Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Luật phí và lệ phí Tòa án năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án:

+ Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Trương Thành Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

- Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015:

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm, thời hạn kháng cáo là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Bị cáo; (1)
- Bị hại; (1)
- Người có QLNVLQ; (1)
- CA TP. HCM ; (1)
- TAND TP. HCM; (1)
- Sở Tư pháp TP. HCM; (1)
- VKSND Quận 4; (2)
- Công An Quận 4; (1)
- Trại tạm giam PC-81B (1)
- Chi cục THADS Quận 4; (1)
- Chi cục THAHS Quận 4; (3)
- Lưu VT, hồ sơ. (2)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Phương Thúy